TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HS-ST.
Ngày: 12-6-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Thanh.
+ Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/HSST-QĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 , đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn K**; Sinh năm 1994 tại ĐN. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống hiện nay: ấp SC, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: Lớp 07/12; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Họ tên cha: Nguyễn Văn D, sinh năm 1960; Họ tên mẹ: Trần Thị V, sinh năm 1966; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân: Ngày 12/6/2012 bị đưa vào Trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 1873/QĐ-UB của Uỷ ban nhân dân huyện LT về hành vi " Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong ngày 30/3/2014; Ngày 19/5/2023 bị Toà án nhân dân huyện LT xử phạt 03 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số: 72/2023/HS-ST và thông báo sửa chữa bổ sung bản án số:32/2023/HS-ST ngày 20/6/2023), án có kháng cáo; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 06/02/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ công an huyện Long Thành.

2. Họ và tên: **Trương Vương Đ**; Sinh năm 1988 tại ĐN. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống hiện nay: Ấp 5, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: Lớp 03/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Trương Thế D (Đã chết); Họ tên mẹ: Trần Thị C (Đã chết); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là thứ ba và chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân: + Ngày 28/11/2006 bị Toà án nhân dân huyện LT xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (Bản án số: 183/2006/HSST) đã chấp hành xong ngày 12/8/2008; Ngày 18/5/2011 bị Toà án nhân dân huyện LT xử phạt 04 năm 06 tháng tù giam về tội "Cướp giật tài sản" (Bản án số: 55/2011/HSST) đã chấp hành xong ngày 11/6/2015; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 10/02/2023 đến ngày 14/4/2023 được huỷ bỏ biện pháp tạm giam, cho gia đình bảo lĩnh tại xã BC, huyện LT.

- Bị hại: Chị Bùi Thị Kim N, sinh năm 1997. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyễn Văn K là người nghiện ma tuý, không có nghề nghiệp ổn định và có nhân thân xấu. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 08/02/2023, K đi nhặt tiêu ở ấp 3, xã TH, thì phát hiện nhà chị Bùi Thị Kim N, ở ấp 3, xã TH, huyện LT khoá cửa, không có người ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đến 10 giờ cùng ngày, K lấy 01 thanh sắt tròn, dài khoảng 50cm rồi điều khiển xe mô tô biển số 60C1-061.55 đến nhà Trương Vương Đ ở ấp 5, xã BC, huyện LT rủ Đ cùng đi trộm cắp. Đ điều khiển xe mô tô trên chở K ngồi sau chỉ đường. Đến khoảng 11 giờ 20 cùng ngày, K và Đ tới nhà chị N. K kêu Đ chạy xe lên cách đó khoảng 50m đứng chờ và cảnh giới, còn K lấy thanh sắt đã chuẩn bị trước cạy ổ khoá nhà chị N rồi đột nhập vào nhà. K lục các tủ trong nhà để tìm tài sản nhưng không có, K thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ariblace màu đen, biển số 60G1-000.75 đang để ở phòng khách, trên xe không có chìa khoá nên dắt đẩy ra ngoài đường, Đ thấy K đẩy xe ra thì quay lại hỗ trợ K, Đ ngồi lên xe mô tô vừa trộm được để điều khiển, còn K điều khiển xe mô tô biển số 60C1-061.55 và dùng chân đẩy xe mô tô trộm cắp đi về hướng BC. Khi đến lô cao su của Nông trường THT, K nói với Đ đây xe vào lô cao su cất giấu rồi K điều khiển xe mô tô biển số 60C1-061.55 chở Đ về nhà, rồi K về tại ấp 6, xã BC để cất xe. Khoảng 15 phút sau, K đi bộ một mình quay lại lô cao su nơi cất giấu chiếc xe trộm cắp của chị N dắt bộ xe về nhà. Sau đó, K tháo biển số và vỏ nhựa thân xe nhằm tránh bị phát hiện và chờ có người mua để bán chiếc xe trên lấy tiền tiêu xài. Sau khi phát hiện bị trộm cắp xe, chị N đã làm đơn trình báo Công an.

Đến 21 giờ cùng ngày, nghi ngờ K và Đ trộm cắp tài sản trên nên Công an xã TH triệu tập K và Đ đến làm việc thì cả hai đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐGTS ngày 13/02/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định tài sản bị trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ariblace màu đen, biển số 60G1-000.75 có giá trị 24.500.000 đồng.

Về tạm giữ vật chứng, tài sản:

- 01 xe mô tô biển số 60G1-000.75, 01 bộ vỏ nhựa xe mô tô trên, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60G1-000.75, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60G1-337.43(các giấy đăng ký xe trên chị N để trong cốp xe mô tô) đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành trả lại cho bị hại Bùi Thị Kim N.

- Đối với xe mô tô biển số 60C1-061.55 do anh Nguyễn Văn H đứng tên (anh trai K), đã cho xe mô tô trên cho mẹ ruột là bà Trần Thị V, bà V cho K mượn sử dụng nhưng không biết K sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho bà V.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung tạm giữ của bị can K, xác định là tài sản của bị cáo K không sử dụng vào việc phạm tội, bị cáo K đồng ý cho mẹ ruột là bà Trần Thị V nhận lại tài sản nên Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành trả lại 02 điện đoại trên cho bà V.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vi Vo tạm giữ của bị cáo Đ không sử dụng vào việc phạm tội, bị can Đ đồng ý cho dì ruột là bà Trần Thị V nhận dùm tài sản nên Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành bàn giao điện đoại trên cho bà V giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình bị can Nguyễn Văn K đại diện cho các bị can thỏa thuận bồi thường xong cho gia đình bị hại 13.000.000 đồng và được bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, bị cáo Nguyễn Văn K, Trương Vương Đ đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên phù hợp với lời khai bị hại, những người liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập đúng trình tự pháp luật có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 87/CT-VKSLT ngày 08/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Trương Vương Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh từ 01

(một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù giam; Xử phạt bị cáo Trương Vương Đ từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù giam.

Tại phiên Tòa các bị cáo không phát biểu tranh luận. Các bị cáo nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến của kiểm sát viên và lời khai của các bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đối với bị hại chị Bùi Thị Kim N đã được tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bị hại vắng mặt, xét lời khai của bị hại đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án, bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại chị Bùi Thị Kim N.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn K và Trương Vương Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu đã thu thập được tại hồ sơ vụ án. Thể hiện: Nguyễn Văn K là người nghiện ma tuý, không có nghề nghiệp ổn định và có nhân thân xấu. Khoảng 10 giờ ngày 08/02/2023, K có hành vi rủ rê Trương Vương Đ đi trộm cắp tài sản, Đ đồng ý. Khoảng 11 giờ 20 cùng ngày, K và Đ đến nhà chị Bùi Thị Kim N ở: Ấp 3, xã TH, huyện LT trộm cắp của chị N 01 xe mô tô biển số 60G1-000.75 như phần nội dung vụ án đã miêu tả như trên. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 24.500.000 đồng. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo mặc dù ít nghiêm trọng nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hành vi, nhận thức rõ được việc xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn công cộng là vi phạm pháp luật, do để có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như trên. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi hậu quả mà các bị cáo gây ra. Mặt khác khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là những người có nhân thân xấu, không có ý thức sửa chữa để trở thành người tốt cho gia đình và xã hội

mà khi có điều kiện và vì mục đích tư lợi các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử có phân hóa vai trò phạm tội của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt phù hợp và tương xứng.

Đối với bị cáo K, xét bị cáo thực hiện hành vi với vai trò chính phạm, rủ rê bị cáo Đ cùng thực hiện hành vi phạm tội, là người chuẩn bị công cụ phạm tội (đoạn sắt dùng bẻ khóa), trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp. Vì vậy, bị cáo K phải chịu mức án cao hơn bị cáo Đ.

Đối với bị cáo Đ mặc dù thực hiện hành vị thứ phạm, nhưng khi được K rủ rê cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Điệp không do dự mà đồng ý ngay và là người giúp sức tích cực, trực tiếp chở khánh đi thực hiện hành vi, cảnh giới và khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo Điệp đã cùng Khánh đem cất giấu tài sản chiếm đoạt. Do đó bị cáo Đ cũng phải nhận mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi các bị cáo đã gây ra, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Riêng đối với bị cáo Đ hiện đang bệnh lao còn phải điều trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn K và Trương Vương Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 10/02/2023).

- Xử phạt bị cáo Trương Vương Đ 01 (một) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ chuyển tạm giam là 64 (sáu mươi bốn) ngày (tính từ ngày 10/02/2023 đến ngày 14/4/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn K và Trương Vương Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án cho bị hại.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Công an H. Long Thành (2);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà